CTCP Cà phê Gia Lai (UPCOM: FGL)

FireAnt

Ngày 31/12/2024	10,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**6.3%**	**-8.2%**

2024

ROE -22.1% +/- YoY ▼ 3.3%

	Q4/24	QoQ	YoY
DT thuần	15.6 *tỷ VNĐ*	▲ 15.5 ▲ 25841%	▲ 4.40 ▲ 39.0%

	2024	YoY
DT thuần	15.8 *tỷ VNĐ*	▲ 4.50 ▲ 39.5%

	Q4/24	QoQ	YoY
LN gộp	6.48 *tỷ VNĐ*	▲ 6.46 ▲ 32307%	▲ 6.56 ▲ 8202%

	2024	YoY
LN gộp	6.58 *tỷ VNĐ*	▲ 6.78 ▲ 3400%

	Q4/24	QoQ	YoY
LN thuần	3.88 *tỷ VNĐ*	▲ 6.66 ▲ 240%	▲ 6.77 ▲ 234%

	2024	YoY
LN thuần	-4.50 *tỷ VNĐ*	▲ 8.00 ▲ 64.1%

	Q4/24	QoQ	YoY
LN sau thuế	3.96 *tỷ VNĐ*	▲ 12.0 ▲ 150%	▲ 6.86 ▲ 236%

	2024	YoY
LN sau thuế	-9.29 *tỷ VNĐ*	▲ 3.11 ▲ 25.3%

Kết quả kinh doanh

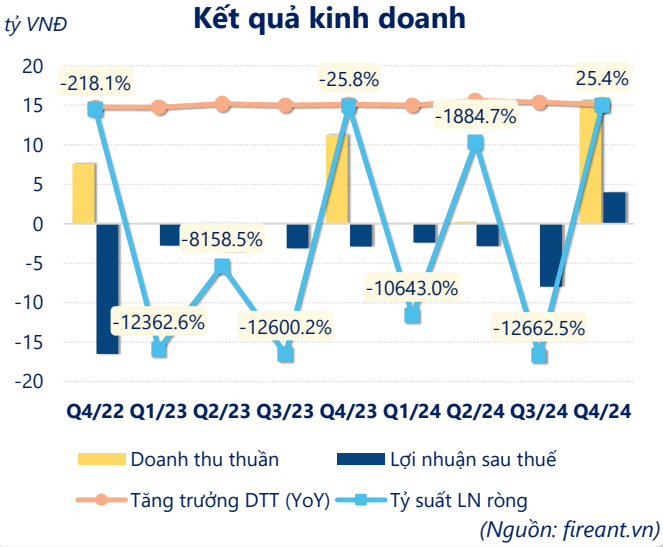

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

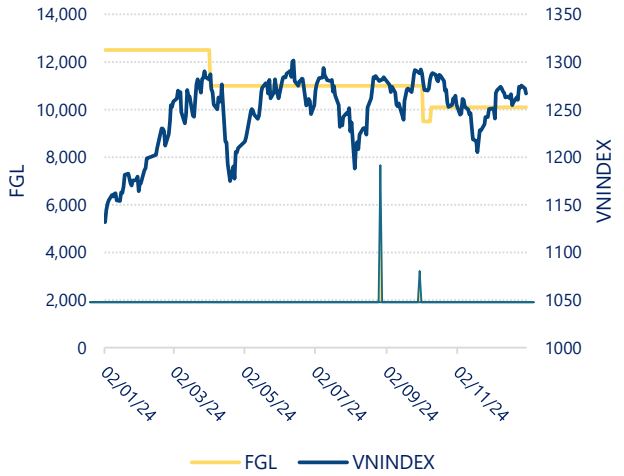

CTCP Cà phê Gia Lai (UPCOM: FGL)

FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận

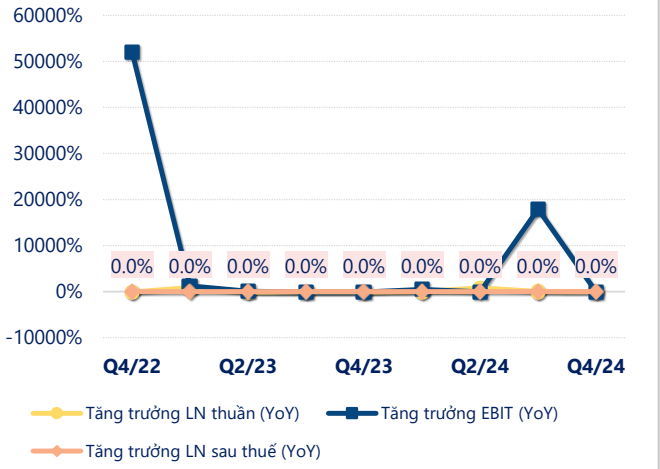

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

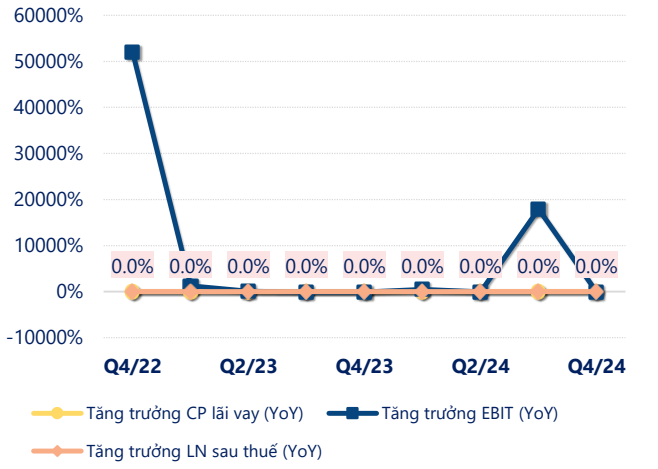

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

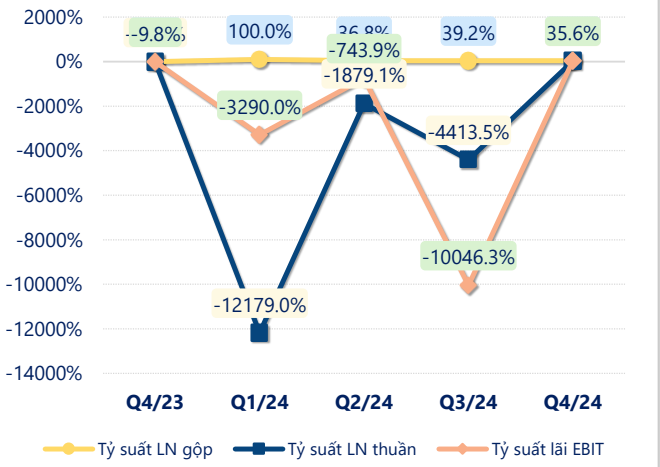

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

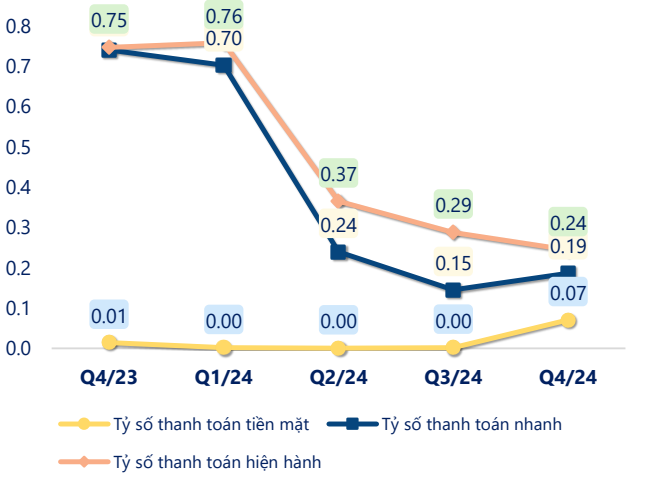

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

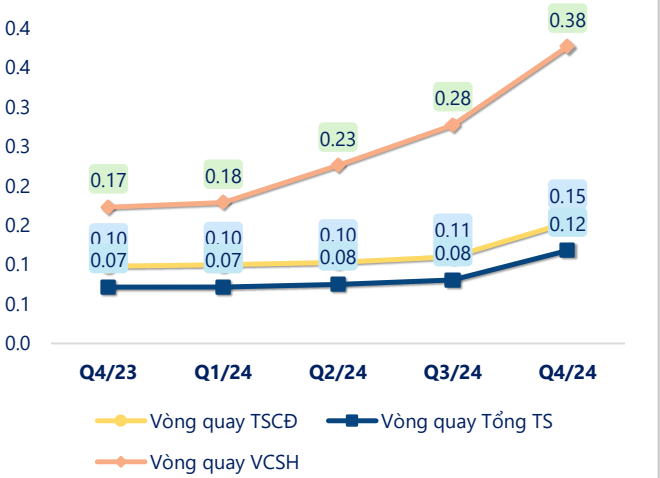

(Nguồn: fireant.vn)

EPS

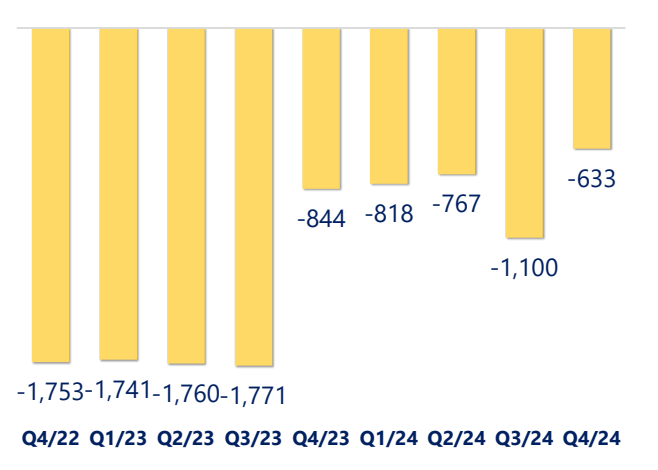

(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Cà phê Gia Lai (UPCOM: FGL)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**15.6**	**11.2**	**39.0%**	**15.8**	**11.3**	**39.5%**
Giá vốn hàng bán	9.08	11.3	-19.6%	9.22	11.5	-20.1%
Lợi nhuận gộp	6.48	-0.08	8202%	6.58	-0.20	3400%
Doanh thu HĐTC	0.02	0.05	-59.6%	0.12	0.05	124%
Chi phí TC	1.59	1.80	-11.7%	6.63	7.46	-11.2%
Chi phí lãi vay	1.59	1.80	-11.7%	6.63	7.46	-11.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.01	0.02	-69.8%	0.01	0.02	-66.4%
Chi phí QLDN	**1.03**	**1.04**	**-1.2%**	**4.57**	**4.89**	**-6.6%**
LN thuần từ HĐKD	3.88	-2.89	234%	-4.50	-12.5	64.1%
Lợi nhuận khác	**0.08**	**-0.01**	**873%**	**-4.79**	**0.08**	**-6060%**
LN trước thuế	3.96	-2.90	236%	-9.29	-12.4	25.3%
Lợi nhuận sau thuế	**3.96**	**-2.90**	**236%**	**-9.29**	**-12.4**	**25.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**3.96**	**-2.90**	**236%**	**-9.29**	**-12.4**	**25.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

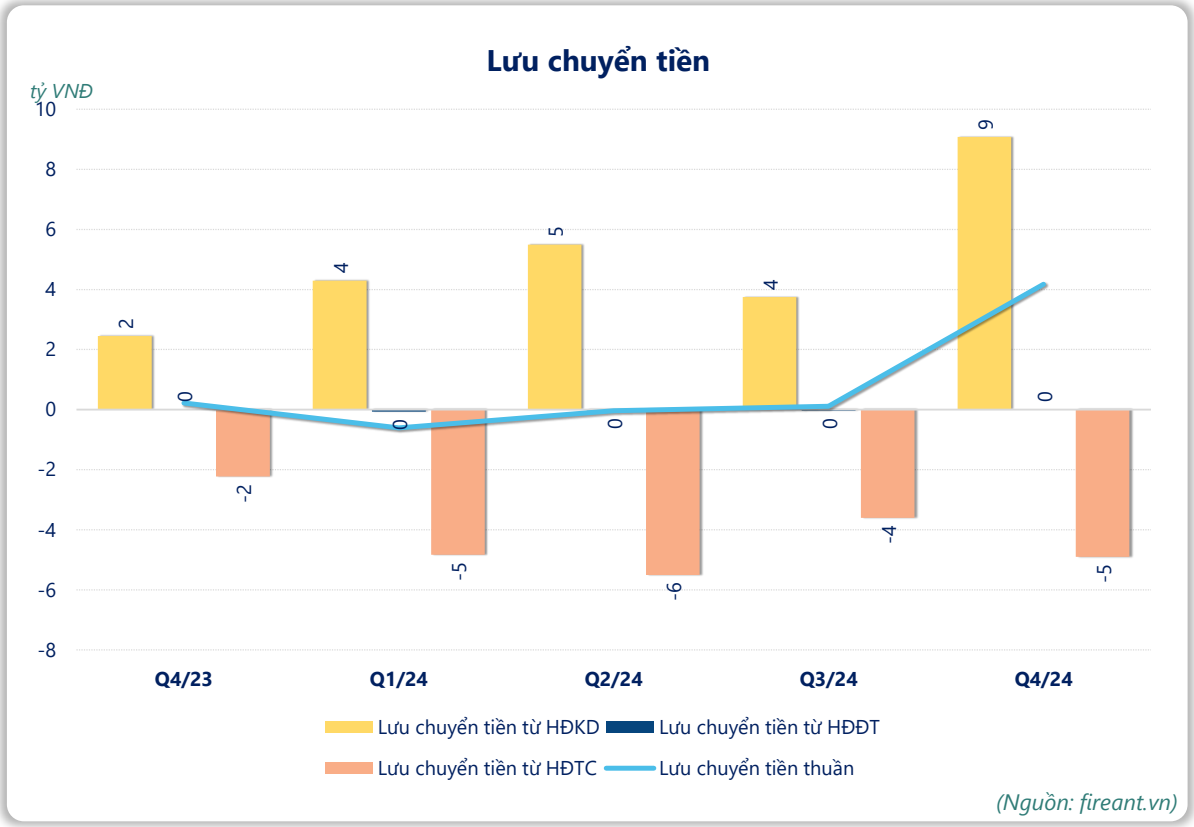

(Nguồn: fireant.vn)